

SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 24 -04- 2017
Số CV đến:.....66.....

**CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
đã được kiểm toán*



CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CÀN THƠ
Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Càm Thơ

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban lãnh đạo	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 26
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 26
Phụ lục: Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước	27

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Phát triển và Kinh doanh Nhà thành phố Cần Thơ là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo quyết định số 2004/QĐ-CTUB ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ. Năm 2010, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà thành phố Cần Thơ được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1800158573 vào ngày 11 tháng 9 năm 2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2011.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **39.574.453.486** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Kim Thiện.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Võ Minh Cảnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Kim Thiện	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Giáo	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Mười	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Lê Thảo Ngọc	Kế toán trưởng	

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

T M Ban lãnh đạo
Chủ tịch Công ty



Nguyễn Kim Thiện



Số : 45/2016/BCKT-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỀN VÀ KINH DOANH
NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà thành phố Cần Thơ, được lập ngày 19 tháng 9 năm 2016, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kê toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31/12/2015, các khoản công nợ phải thu và phải trả (không bao gồm khoản vay của các ngân hàng) chưa được đối chiếu xác nhận với các đối tượng có liên quan. Việc mở rộng thủ tục kiểm toán một cách đầy đủ nhằm đảm bảo cho tính đúng đắn của khoản nợ phải thu và phải trả này tại ngày 31/12/2015 là không thể thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản công nợ nêu trên và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.
- Tại ngày 31/12/2015, một số khoản công nợ phải thu là các khoản công nợ tồn đọng, không có hồ sơ công nợ hoặc không rõ đối tượng nợ với giá trị 3.807.728.577 đồng. Các khoản công nợ trên chưa được Công ty thực hiện đánh giá và xử lý tài chính theo hướng dẫn tại nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ và thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được tình trạng, khả năng thu hồi giá trị của các khoản công nợ nêu trên cũng như các điều chỉnh cần thiết của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2015.
- Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay đối với các khoản vay cá nhân phục vụ dự án "Khu dân cư 91B" với số tiền là 2.827.000.000 đồng (trong đó chi phí lãi phát sinh năm 2014 là 236.250.000 đồng, năm 2015 là 2.590.750.000 đồng). Nếu thực hiện ghi nhận chi phí lãi vay nêu trên sẽ làm cho các chỉ tiêu "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" và "Chi phí phải trả ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 cùng tăng lên với số tiền 2.827.000.000 đồng.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namvietn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà thành phố Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2016

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 2920-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.408.208.981	763.490.531.663
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.529.545.871	6.618.344.688
1.	Tiền	111		4.377.245.871	5.581.932.945
2.	Các khoản tương đương tiền	112		152.300.000	1.036.411.743
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	103.620.742.502	123.963.960.840
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		71.229.770.535	84.476.848.878
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.393.346.521	20.079.667.742
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	18.997.625.446	19.407.444.220
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.04	902.923.741	632.908.226.135
1.	Hàng tồn kho	141		902.923.741	632.908.226.135
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		354.996.867	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	354.996.867	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		720.643.391.624	13.980.469.586
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		15.261.992.638	13.800.142.577
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	14.774.162.638	13.312.312.577
	- <i>Nguyên giá</i>	222		30.774.301.414	29.219.567.907
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(16.000.138.776)	(15.907.255.330)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- <i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	487.830.000	487.830.000
	- <i>Nguyên giá</i>	228		562.638.400	562.638.400
	- <i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(74.808.400)	(74.808.400)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		705.371.865.764	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		705.371.865.764	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		9.533.222	180.327.009
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V07	9.533.222	180.327.009
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		830.051.600.605	777.471.001.249

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		767.801.143.756	755.004.865.906
I.	Nợ ngắn hạn	310		723.461.849.079	688.268.782.583
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	48.340.714.938	26.563.681.606
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		445.291.993.262	373.885.923.126
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	53.135.940.616	95.787.343.598
4.	Phải trả người lao động	314		1.655.471.917	1.007.927.120
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	9.779.791.454	30.906.489.427
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	74.497.083.187	56.475.215.827
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.08	88.008.050.000	99.649.866.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.141.976.782	2.093.676.956
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.610.826.923	1.898.658.923
II.	Nợ dài hạn	330		44.339.294.677	66.736.083.323
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.08	44.339.294.677	66.736.083.323
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.250.456.849	22.466.135.343
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	61.687.386.525	22.466.135.343
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.379.146.136	29.379.146.136
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		36.828.488.521	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		34.936.484.825	34.936.484.825
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(39.456.732.957)	(41.849.495.618)
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		(41.849.495.618)	6.092.934.713
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		2.392.762.661	(47.942.430.331)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		563.070.324	-
1.	Nguồn kinh phí			563.070.324	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		830.051.600.605	777.471.001.249

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

Trần Văn Mười Lăm

Kế toán trưởng

Bùi Lê Thảo Ngọc

Chủ tịch Công ty



Nguyễn Kim Thiện

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	92.800.799.427	87.176.238.290
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	9.694.909	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		92.791.104.518	87.176.238.290
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	73.517.441.547	82.289.979.756
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.273.662.971	4.886.258.534
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.04	44.803.631	50.179.615
7.	Chi phí tài chính	22	V.05	88.129.713	10.056.436.973
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		88.129.713	6.681.358.902
8.	Chi phí bán hàng	25	V.08	286.827.871	76.509.114
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.08	16.930.691.515	19.021.203.269
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.012.817.503	(24.217.711.207)
11.	Thu nhập khác	31	V.06	1.852.889.523	4.236.222.411
12.	Chi phí khác	32	V.07	1.472.944.365	27.955.891.535
13.	Lợi nhuận khác	40		379.945.158	(23.719.669.124)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.392.762.661	(47.937.380.331)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	5.050.000
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.392.762.661	(47.942.430.331)

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

Trần Văn Mười Lăm

Kế toán trưởng

Bùi Lê Thảo Ngọc

Chủ tịch Công ty



Nguyễn Kim Thiện

BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		2.392.762.661	(47.937.380.331)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.073.510.942	2.384.059.080
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(106.985.449)	(50.179.615)
-	Chi phí lãi vay	06		88.129.713	6.681.358.902
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.447.417.867	(38.922.141.964)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.343.218.338	52.103.325.330
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(39.251.865.167)	(34.621.705.356)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		48.122.714.496	(1.194.028.516)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.773.765)	153.798.521
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(88.129.713)	(3.985.108.902)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.000.000.000)	(1.100.000.000)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		563.070.324	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(287.832.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.842.820.380	(27.565.860.887)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		62.181.818	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.803.631	50.179.615
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		106.985.449	50.179.615

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		34.903.612.622	45.613.899.323
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.942.217.268)	(16.680.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.038.604.646)	28.933.899.323
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.088.798.817)	1.418.218.051
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.618.344.688	5.200.126.637
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.529.545.871	6.618.344.688

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

Trần Văn Mười Lăm

Kế toán trưởng

Bùi Lê Thảo Ngọc

Chủ tịch Công ty



Nguyễn Kim Thiện

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH Một thành viên vốn Nhà nước.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trên Bảng Cân đối kế toán trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CÀN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Càm Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

Đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, Công ty không thực hiện tính khấu hao.

Đối với những tài sản cố định hữu hình bàn giao về nhà nước, Công ty không thực hiện tính khấu hao.

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khé ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong năm là: 98,47%.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các chi phí khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	95.585.642	158.375.338
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.281.660.229	5.423.557.607
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	152.300.000	1.036.411.743
Cộng	4.529.545.871	6.618.344.688

02. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	71.229.770.535	84.476.848.878
- Cao Hữu Khánh	4.980.000.000	5.480.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí Petro	12.508.930.000	12.508.930.000
- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC	6.766.411.520	8.766.411.520
- Công ty TNHH Thương mại Du lịch Đại Dương	20.043.650.000	20.043.650.000
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	26.930.779.015	37.677.857.358
Cộng	71.229.770.535	84.476.848.878

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hoá	18.997.625.446	-	19.407.444.220	-
- Tạm ứng	184.107.485	-	184.107.485	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.929.827.075	-	2.053.897.748	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
+ Thuế GTGT, thuế TNDN tạm tính	11.883.690.886	-	17.169.438.987	-
+ Phải thu các đội	10.740.922.250	-	10.740.922.250	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	5.198.656.331	-
Cộng	1.142.768.636	-	1.229.860.406	-
	18.997.625.446	-	19.407.444.220	-

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.815.943	-	23.056.333	-
- Công cụ, dụng cụ	64.034.064	-	64.034.064	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	632.512.577.492	-
- Thành phẩm	739.562.114	-	277.658.629	-
- Hàng hoá	88.511.620	-	30.899.617	-
Cộng	902.923.741	-	632.908.226.135	-

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	10.132.992.282	7.962.520.274	10.934.735.827	189.319.524	29.219.567.907
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp	1.214.960.138	-	708.422.329	-	1.923.382.467
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(368.648.960)	-	(368.648.960)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.347.952.420	7.962.520.274	11.274.509.196	189.319.524	30.774.301.414
II. Giá trị hao mòn luỹ kế					
Số dư đầu năm	3.536.446.326	5.204.928.606	6.978.629.048	187.251.350	15.907.255.330
- Khấu hao trong năm	76.481.018	445.575.396	551.454.528	-	1.073.510.942
- Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp	389.711.426	(524.823.319)	(441.070.912)	(35.795.731)	(611.978.536)
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(368.648.960)	-	(368.648.960)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.002.638.770	5.125.680.683	6.720.363.704	151.455.619	16.000.138.776
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.596.545.956	2.757.591.668	3.956.106.779	2.068.174	13.312.312.577
2. Tại ngày cuối năm	7.345.313.650	2.836.839.591	4.554.145.492	37.863.905	14.774.162.638

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 569.090.909 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của một số tài sản là Nhà cửa, vật kiến trúc chờ bàn giao về Nhà nước lần lượt là 9.435.926.965 đồng và 5.987.775.577 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	487.830.000	74.808.400	562.638.400
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	487.830.000	74.808.400	562.638.400
II. Giá trị hao mòn luỹ kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	74.808.400	74.808.400
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	74.808.400	74.808.400
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	487.830.000	-	487.830.000
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	487.830.000	-	487.830.000

Toàn bộ Quyền sử dụng đất của 02 mảnh đất tại 110+112 Hai Bà Trưng, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ chờ bàn giao về Nhà nước.

07. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	354.996.867	-
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	354.996.867	-
<i>b. Dài hạn</i>	9.533.222	180.327.009
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ ^(*)	9.533.222	180.327.009
Cộng	364.530.089	180.327.009

^(*): Là hệ thống chống sét chợ An Lạc thực hiện bàn giao về Nhà nước.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	99.649.866.000	99.649.866.000	57.300.401.268	68.942.217.268	88.008.050.000	88.008.050.000
- <i>Vay ngân hàng ngắn hạn</i>	<i>6.500.000.000</i>	<i>6.500.000.000</i>	-	<i>6.500.000.000</i>	-	-
+ Ngân hàng TM Cổ phần Xăng Dầu - Chi nhánh Cần Thơ	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
- <i>Vay cá nhân ngắn hạn</i>	<i>55.149.866.000</i>	<i>55.149.866.000</i>	<i>3.700.000.000</i>	<i>12.841.816.000</i>	<i>46.008.050.000</i>	<i>46.008.050.000</i>
+ Các đối tượng khác ^(a)	55.149.866.000	55.149.866.000	3.700.000.000	12.841.816.000	46.008.050.000	46.008.050.000
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>38.000.000.000</i>	<i>38.000.000.000</i>	<i>53.600.401.268</i>	<i>49.600.401.268</i>	<i>42.000.000.000</i>	<i>42.000.000.000</i>
+ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	38.000.000.000	38.000.000.000	53.600.401.268	49.600.401.268	42.000.000.000	42.000.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	66.736.083.323	66.736.083.323	31.203.612.622	53.600.401.268	44.339.294.677	44.339.294.677
b.1. Vay dài hạn	66.736.083.323	66.736.083.323	31.203.612.622	53.600.401.268	44.339.294.677	44.339.294.677
Từ 1 năm đến 5 năm	66.736.083.323	66.736.083.323	31.203.612.622	53.600.401.268	44.339.294.677	44.339.294.677
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>66.736.083.323</i>	<i>66.736.083.323</i>	<i>31.203.612.622</i>	<i>53.600.401.268</i>	<i>44.339.294.677</i>	<i>44.339.294.677</i>
+ Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	66.736.083.323	66.736.083.323	31.203.612.622	53.600.401.268	44.339.294.677	44.339.294.677
Cộng	166.385.949.323	166.385.949.323	88.504.013.890	122.542.618.536	132.347.344.677	132.347.344.677

^(a): Khoản huy động vốn của cán bộ, công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 9%/năm.

^(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long – Chi nhánh Cần Thơ để phục vụ đầu tư dự án "Khu tái định cư Phú An" và "Khu dân cư Hưng Phú 1". Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản của dự án hình thành trong tương lai, lãi suất vay là 10%/năm đến 11,5%/năm.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CÀN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 5 - TP.HCM	48.340.714.938	48.340.714.938	26.563.681.606	26.563.681.606
- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC	2.004.325.777	2.004.325.777	2.918.245.433	2.918.245.433
- Trần Văn Ân	19.219.757.714	19.219.757.714	6.726.240.000	6.726.240.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.586.690.000	2.586.690.000	2.586.690.000	2.586.690.000
Cộng	24.529.941.447	24.529.941.447	14.332.506.173	14.332.506.173
	48.340.714.938	48.340.714.938	26.563.681.606	26.563.681.606

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	24.159.371.011	2.041.622.226	24.715.322.946	-	1.485.670.291
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.149.327.046	-	1.000.000.000	-	11.149.327.046
- Thuế thu nhập cá nhân	-	624.260.519	221.240.249	816.560.918	-	28.939.850
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.498.544.905	1.112.551.612	2.611.096.517	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác ^(*)	-	18.418.089.599	(11.811.938.197)	5.423.352.102	-	1.182.799.300
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	38.937.750.518	1.379.649.096	1.028.195.485	-	39.289.204.129
Cộng	-	95.787.343.598	(7.056.875.014)	35.594.527.968	-	53.135.940.616

(*): Giảm do điều chỉnh theo thông báo tiền thuê đất của Nhà nước.

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	9.779.791.454	30.906.489.427
- Chi phí lãi vay	1.258.375.000	1.697.391.766
- Chi phí công trình	8.521.416.454	29.146.125.661
- Các khoản trích trước khác	-	62.972.000
Cộng	9.779.791.454	30.906.489.427

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	74.497.083.187	56.475.215.827
- Tài sản thừa chờ giải quyết	35.000.000	124.079.057
- Kinh phí công đoàn	154.639.812	483.028.347
- Bảo hiểm xã hội	-	228.621.660
- Bảo hiểm y tế	70.427.808	73.161.530
- Bảo hiểm thất nghiệp	29.926.490	33.623.789
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.207.089.077	55.532.701.444
+ Công ty Cổ phần Hữu Toàn	48.900.667	2.216.750.000
+ Trợ cấp thôi việc phải trả	67.662.000	2.381.463.000
+ Phải trả tiền thuê nhà cho Nhà nước	6.058.900.767	6.058.900.767
+ Chi phí phải trả các đội	64.443.369.144	42.466.869.430
+ Các đối tượng khác	3.588.256.499	2.408.718.247
Cộng	74.497.083.187	56.475.215.827

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư đầu năm trước	32.535.164.496	-	30.548.440.445	15.806.776.999	9.529.455.541	88.419.837.481
- Tăng vốn trong năm trước	19.145.167.272	-	-	6.092.934.713	-	25.238.101.985
- Lãi trong năm trước	-	-	-	(47.942.430.331)	-	(47.942.430.331)
- Xử lý công nợ tồn đọng	-	-	(353.988.720)	-	-	(353.988.720)
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.742.033.100	(15.806.776.999)	-	(11.064.743.899)
- Bàn giao tài sản cho Nhà nước	(22.301.185.632)	-	-	-	(9.529.455.541)	(31.830.641.173)
Số dư cuối năm trước	29.379.146.136	-	34.936.484.825	(41.849.495.618)	-	22.466.135.343
Số dư đầu năm nay	29.379.146.136	-	34.936.484.825	(41.849.495.618)	-	22.466.135.343
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	2.392.762.661	-	2.392.762.661
- Tăng theo biên bản định giá	-	36.828.488.521	-	-	-	36.828.488.521
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	29.379.146.136	36.828.488.521	34.936.484.825	(39.456.732.957)	-	61.687.386.525

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	29.379.146.136	100	29.379.146.136	100
Cộng	29.379.146.136	100	29.379.146.136	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.379.146.136	32.535.164.496
+ Vốn góp tăng trong năm	-	19.145.167.272
+ Vốn góp giảm trong năm	-	22.301.185.632
+ Vốn góp cuối năm	29.379.146.136	29.379.146.136

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	-	270.931.937
- Doanh thu bán thành phẩm	-	56.598.069
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.711.812.467	4.420.838.904
- Doanh thu cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước	-	7.972.540.556
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	67.462.581.179	43.979.732.352
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	20.626.405.781	30.475.596.472
Cộng	92.800.799.427	87.176.238.290

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	9.694.909	-
Cộng	9.694.909	-

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	164.871.817
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	47.053.907
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.899.577.712	5.502.629.353
- Giá vốn cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	-	7.972.540.556
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	15.435.752.635	29.059.905.342
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	53.182.111.200	39.542.978.781
Cộng	73.517.441.547	82.289.979.756

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.803.631	50.179.615
Cộng	44.803.631	50.179.615

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CÀN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	88.129.713	6.681.358.902
- Lãi mua hàng trả chậm	-	3.375.078.071
Cộng	88.129.713	10.056.436.973

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	55.112.636	-
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	666.000.000	-
- Hoàn nhập dự phòng công trình	951.700.174	-
- Nhận tiền hỗ trợ bồi thường	-	1.532.670.000
- Xử lý công nợ tồn đọng	950.062	2.210.172.380
- Các khoản khác	179.126.651	493.380.031
Cộng	1.852.889.523	4.236.222.411

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý công nợ tồn đọng	-	2.797.854.134
- Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	326.997.755	-
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính khác	24.500.120	-
- Các khoản bị phạt chậm nộp và vi phạm hành chính về thuế	1.070.543.445	25.046.465.230
- Các khoản khác	50.903.045	111.572.171
Cộng	1.472.944.365	27.955.891.535

08. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

	Năm nay
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	16.930.691.515
- Chi phí nhân viên quản lý	9.752.733.423
- Chi phí vật liệu quản lý	100.714.819
- Chi phí đồ dùng văn phòng	294.015.246
- Chi phí khấu hao TSCĐ	327.523.380
- Thuế, phí và lệ phí	842.996.382
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	494.940.604
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.117.767.661
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	286.827.871
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.029.545
- Các khoản chi phí bán hàng khác	244.798.326
Cộng	17.217.519.386

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	<i>Năm trước</i>
- Tăng, giảm hàng tồn kho do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	34.114.698.203	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước do xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	178.429.315	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tiền lương	1.382.913.910	890.934.545
Công	<u>1.382.913.910</u>	<u>890.934.545</u>

03. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại cho phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

STT	Tên nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	2.053.897.748	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Quỹ dự phòng tài chính	3.653.221.133	Quỹ dự phòng tài chính	418	Quỹ đầu tư phát triển	418

04. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biếu

Trần Văn Mười Lăm

Kế toán trưởng

Bùi Lê Thảo Ngọc



Nguyễn Kim Thiện

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN VÀ KINH DOANH NHÀ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
 Số 09, Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

PHỤ LỤC: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
I- Thuế				
1. Thuế GTGT hàng bán ra trong nước	56.849.593.080	(8.436.524.110)	34.566.332.483	13.846.736.487
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	24.159.371.011	2.041.622.226	24.715.322.946	1.485.670.291
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
4. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.149.327.046	-	1.000.000.000	11.149.327.046
6. Thuế thu nhập cá nhân	624.260.519	221.240.249	816.560.918	28.939.850
7. Thuế tài nguyên	-	-	-	-
8. Thuế nhà đất	188.988.197	216.995.412	405.983.609	-
9. Tiền thuê đất	1.309.556.708	895.556.200	2.205.112.908	-
10. Các loại thuế khác	18.418.089.599	(11.811.938.197)	5.423.352.102	1.182.799.300
II- Các khoản phải nộp khác	38.937.750.518	1.379.649.096	1.028.195.485	39.289.204.129
1. Các khoản phụ thu	-	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	8.301.100	-	8.301.100	-
3. Các khoản phải nộp khác	38.929.449.418	1.379.649.096	1.019.894.385	39.289.204.129
Tổng cộng	95.787.343.598	(7.056.875.014)	35.594.527.968	53.135.940.616

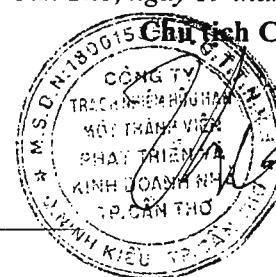
Cần Thơ, ngày 19 tháng 9 năm 2016

Người lập biểu

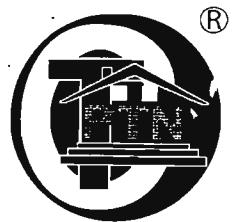
Trần Văn Mười Lăm

Kế toán trưởng

Bùi Lê Thảo Ngọc



Nguyễn Kim Thiện



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ CẦN THƠ

Số 9 Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc,
quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
ĐT: 0710. 3829451 - 3810300 - 3827173
Fax: 0710. 3752776 - 3752483
Email: ptnct@hcm.vnn.vn



SCIC Chi nhánh phía Nam

ĐẾN 24-04-2017

Số CV đến: 601

85G/

E19/C.3K625

Kính gửi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH

VỐN NHÀ NƯỚC - CHI NHÁNH PHÍA NAM

Đ/c: 16 Phan Đăng, Phường 6, Quận 3, TP. HCM

ĐT: Chị Doan (0908.130310)